

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 24 /2024/HSST
Ngày 29/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ phiên toà: Ông Quán Vi Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Bích Hiệp.
Bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phan Văn Vận – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị H**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1977, tại **huyện N, tỉnh Ninh Bình**;

Nơi thường trú: **xóm D, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Văn H1** (đã chết) và bà **Đinh Thị L** (đã chết); Chồng **Lê Trung K** (đã ly hôn), con: 02 người (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự và nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ, giam tại **Nhà giữ Công an huyện Q** từ ngày 11/08/2023 đến nay. (có mặt).

- Bị hại: Bà **Hồ Thị Thúy N**, sinh năm 1979.

Nơi thường trú: **xóm D, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt)**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hồ Thị S**, sinh năm 1966.

Nơi thường trú: **xóm D, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An, (có mặt).**

- Người làm chứng: 1. Ông **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1967,

Nơi thường trú: Xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

2. Ông **Lê Hoàng P**, sinh năm 1966,

Nơi thường trú: Xóm Đ, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2017, thông qua mạng xã hội Facebook, **Trần Thị H** đã thuê một người không quen biết, không xác định được danh tính để làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên **Trần Thị H**, thửa đất số 31B3, tờ bản đồ số 02, diện tích 216 m², địa chỉ tại **xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An** được **UBND huyện Q** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 809949 ngày 16/3/2011. Năm 2018, do cần tiền để kinh doanh nên **Trần Thị H** đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để thế chấp cho chị **Hồ Thị Thúy N** để vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Tại **Bản kết** giám định số 420 ngày 24/11/2022 của **Phòng K1 Công an tỉnh N** kết luận:

“1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD809949 đề ngày 16/3/2011 (ký hiệu A) **là giả**.”

2. Chữ ký mang tên **Cao Thanh L1** dưới mục “CHỦ TỊCH” trên giấy “CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A so với chữ ký ông **Cao Thanh L1** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 **không phải do cùng một người ký ra**.

3. Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP T NGHỆ AN” dưới mục “CHỦ TỊCH” trên giấy “CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A so với hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP T NGHỆ AN” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 **không phải do cùng một con dấu đóng ra**.”

Kết luận giám định số 175/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 25/4/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh N** kết luận:

“Chữ viết mực màu đen (trừ chữ viết “**Hồ Thị S**” dưới mục “Người nhận chuyển nhượng”), chữ ký mang tên **Trần Thị H** dưới mục “Người chuyển nhượng” trên “Giấy chuyển nhượng đất ở” đề ngày 09/12/2021 so với chữ viết, chữ ký của **Trần Thị H** trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết, ký ra.”

Bản cáo trạng số **05/CT-VKS-QH ngày 25/12/2023** của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp truy tố bị cáo **Trần Thị H** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

ại phiên tòa, bị cáo **Trần Thị H** đã khai nhận: Khoảng năm 2017, **Trần Thị H** thấy trên mạng xã hội Facebook có nhiều trang mạng đăng tải nhận làm giấy tờ giả. **Trần Thị H** đã thuê một người không quen biết, không xác định lai lịch, địa chỉ để liên hệ làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi liên hệ thỏa thuận giá cả, **H** chụp ảnh và gửi hình ảnh **giấy** nhận quyền sử dụng đất thật của mình mang tên **Trần Thị H**, thửa đất số 31B3, tờ bản đồ số 02, diện tích 216 m², địa chỉ

tại xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Q cấp giấy nhận quyền sử dụng đất số BD 809949 ngày 16/3/2011. Một thời gian sau H nhận được 01 giấy nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Trần Thị H, thửa đất số 31B3, tờ bản đồ số 02, diện tích 216 m², địa chỉ tại xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo giấy nhận quyền sử dụng đất số BD 809949 ngày 16/3/2011 giống với giấy nhận quyền sử dụng đất thật do người giao hàng giao với hình thức S1(giao hàng và nhận tiền hộ). Hường cất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này tại nhà mình. Năm 2018, do cần tiền để kinh doanh nên Trần Thị H đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để thế chấp cho chị Hồ Thị Thúy N vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Bị cáo Trần Thị H nhất trí với cáo trạng truy tố của VKSND huyện Quỳnh Hợp truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị H về tội danh và điều luật như nội dung C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Trần Thị H chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 11/8/2023.

Đối với người đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trần Thị H. Do Trần Thị H không nhớ tài khoản Facebook, không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý theo quy định.

Đối với việc Trần Thị H viết giấy chuyển nhượng đất ở mang tên Trần Thị H thửa đất số 31B3, tờ bản đồ số 02, diện tích 216 m², địa chỉ tại xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 809949 ngày 16/3/2011 cho bà Hồ Thị S với giá 500.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được việc thỏa thuận chuyển nợ, chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do chị Hồ Thị Thúy N và bà Hồ Thị S thực hiện khi không có mặt H, sau khi nắm giữ được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả từ chị N thì bà S yêu cầu H viết giấy chuyển nhượng trên, buộc H phải viết. Trần Thị H không có lỗi trong giao dịch giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với hành vi này của Trần Thị H nên đề nghị Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

Đối với chị Hồ Thị Thúy N chuyển nợ, chuyển giấy nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H thửa đất số 31B3, tờ bản đồ số 02, diện tích 216 m², địa chỉ

tại xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 809949 ngày 16/3/2011 cho bà Hồ Thị S để bà S đưa lại số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng). Quá trình điều tra xác định chị N không biết giấy nhận quyền sử dụng đất mà Trần Thị H thế chấp là giấy tờ giả. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị Hồ Thị Thúy N nên đề nghị miễn xét.

Vật chứng vụ án:

- Tạm giữ của bà Hồ Thị S: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số 809949, mang tên Trần Thị H, sinh năm 1977, địa chỉ tại xóm D, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 31B3, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại xóm M, xã M, huyện Q; diện tích: 216,0 m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn. Cấp ngày 16/3/2011 có chữ ký của ông Cao Thanh L1 và hình con dấu của UBND huyện Q; 01 (một) Giấy chuyển nhượng đất ở đề ngày 09/12/2019, ký tên người chuyển nhượng: Trần Thị H, ký tên người nhận chuyển nhượng: Hồ Thị S; ở góc bên phải tờ giấy có xác nhận của Chủ UBND xã M và hình dấu đỏ của UBND xã M. Tài liệu này được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31, màu xanh, số IMEI: 860646044321056, trong máy có số sim: 0876118766 và 0989183766, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 037177004620 mang tên Trần Thị H. Đã trả lại cho người được ủy quyền nhận tài sản nên đề nghị miễn xét.

- Đối với các tài liệu gồm: 01 (Một) phiếu tập thông tin dân cư mang tên Trần Thị H, sinh ngày 03/07/1977, ký tên người khai là Trần Thị H; 01 (Một) phiếu tập thông tin dân cư mang tên Lê Phú N1, sinh ngày 18/5/1998, ký tên người khai hộ là Trần Thị H; 01 (Một) phiếu tập thông tin dân cư mang tên Lê Thị Khánh H2, sinh ngày 18/02/2001, ký tên người khai hộ là Trần Thị H; Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Q về việc cho cán bộ, viên chức nghỉ việc để giải quyết chế độ bảo xã hội. Văn bản có chữ ký ông Cao Thanh L1 và hình con dấu của Ủy ban nhân dân huyện Q; Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 07/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Q về việc khen thưởng. Văn bản có chữ ký ông Cao Thanh L1; Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Q về việc cho viên chức nghỉ việc để giải quyết chế độ theo chính sách đối với những người nghỉ hưu trước tuổi. Văn bản có chữ ký ông Cao Thanh L1 và hình con dấu của Ủy ban nhân dân huyện Q; Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Q về việc nâng phụ cấp thâm niên vượt khung. Văn bản có chữ ký ông Cao Thanh L1 và hình con dấu của Ủy ban nhân dân huyện Q; 01 (Một) bản khai của Trần Thị H đề ngày 02/11/2009; 01 (Một) biên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/12/2009; 01 (Một) biên ghi lời khai của Trần Thị H lập ngày 12/11/2009; 01 (Một) Hợp đồng chuyển nhượng quyền đất đai kèm theo 01 lời chứng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M. Các tài liệu này đã trả lại cho các cơ quan quản lý nên đề nghị Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho chị **Hồ Thị T1**. Chị **N** đã trả lại cho bà **Hồ Thị S** số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Tại phiên tòa, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

Bị cáo **Trần Thị H** nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai trái mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của **C1** tra **Công an huyện Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện Q**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật **Tố hình sự**. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của **C2** hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo **Trần Thị H** thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo **Trần Thị H** khai nhận: Khoảng năm 2017, thông qua mạng xã hội Facebook, **Trần Thị H** đã thuê một người không quen biết, không xác định được danh tính làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên **Trần Thị H**, thửa đất số 31B3, tờ bản đồ số 02, diện tích 216 m², địa chỉ tại **xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An** được **UBND huyện Q** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 809949 ngày 16/3/2011. Năm 2018, do cần tiền để kinh doanh nên **Trần Thị H** đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để thế chấp cho chị **Hồ Thị Thúy N** vay số tiền 200.000.000 đồng (**hai trăm triệu đồng**). Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, gồm: Bản Kết luận giám định số 420 ngày 24/11/2022 của **Phòng K1 Công an tỉnh N** kết luận:

“1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD809949 đề ngày 16/3/2011 (ký hiệu A) **là giả**.

2. Chữ ký mang tên **Cao Thanh L1** dưới mục “CHỦ TỊCH” trên giấy “CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A so với chữ ký ông **Cao Thanh L1** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 **không phải do cùng một người ký ra**.

3. Hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỠ HỢP T NGHỆ AN” dưới mục “CHỦ TỊCH” trên giấy “CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ

DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A so với hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP T NGHỆ AN” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 **không phải do cùng một con dấu đóng ra.**”. Bị cáo [Trần Thị H Trần Thị H](#) đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thế chấp vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của chị [Hồ Thị Thúy N](#). Do đó, có đủ căn cứ xác định hành vi trên của [Trần Thị H](#) đã cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo [Trần Thị H](#) xâm phạm nghiêm trọng hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính là sử dụng giấy tờ giả, rồi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Vụ án xảy ra còn gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nên cần lên cho bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo vì tại [C](#)điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ **hình phạt** cho bị cáo; bố bị cáo là người có công được [N2](#) thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, cần cho bị cáo [Trần Thị H](#) được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật [H](#)ình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 Bộ [luật H](#)ình quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng ...” và “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng ...”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo trước khi phạm tội bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo [Trần Thị H](#) đã bồi thường toàn bộ thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho chị [Hồ Thị Thúy N](#). Chị [N](#) đã trả lại cho bà [Hồ Thị S](#) số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Chị [N](#) và chị [S](#) không có yêu cầu bồi thường [g](#)ì nên Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

[6] Về án phí: Bị cáo [Trần Thị H](#) chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị H** phạm hai tội: Tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s **khoản** và khoản 2 Điều 51 Bộ luật **Hình** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s **khoản** và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật **Hình** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật **Hình** sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị H 03 (ba)** năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, và **03 (ba)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo **Trần Thị H** chấp hành hình phạt chung của hai tội **06 (sáu)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 11/8/2023.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TT hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban **Thường** Quốc hội khóa XIV, **buộc** bị cáo **Trần Thị H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt những người làm chứng. Bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/3/2024.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An,
- Sở **Tư** pháp tỉnh Nghệ An,
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh **Hợp**,
- TH A DS huyện Quỳnh Hợp
- Bị cáo;
- **Lưu**

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Quán Vi Tuấn